

## CƠ SỞ VĂN HOÁ CỦA GIÁO DỤC - ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA NHÂN HỌC GIÁO DỤC, MỘT LĨNH VỰC ỨNG DỤNG CỦA NHÂN HỌC VĂN HOÁ

Phạm Thành Nghị\*

### Đặt vấn đề

Giáo dục được xem là công cụ mà mỗi xã hội chuyển tải văn hoá cho thế hệ sau. Do vậy, nếu văn hoá được xem là hệ thống kiến thức, niềm tin, giá trị, thái độ và các tạo tác thì giáo dục có thể được xem như là ý đồ chuyển tải toàn bộ những thứ vừa nêu từ thế hệ này sang thế hệ sau. Ở những nền văn hoá có xu hướng phi chính thức cao, sự trao đổi thông tin hai chiều giữa giáo viên và học sinh cởi mở và bình đẳng. Ngược lại, ở những xã hội nơi mà các cá nhân đóng vai trò theo các quan hệ thứ bậc, thì sự giao tiếp giữa giáo viên và học sinh theo mệnh lệnh và yêu cầu mà giáo viên đưa ra cho học sinh là yêu cầu của người bề trên đối với người bề dưới. Mặt khác, mục tiêu và cách thức giáo dục thế hệ trẻ không chỉ chịu chi phối bởi điều kiện của xã hội và của văn hoá, mà chúng còn được xem như sự đáp ứng các nhu cầu của xã hội và văn hoá. Ví dụ, trong các xã hội đa văn hoá, các cơ quan giáo dục, đặc biệt là trường học, phải đương đầu với các vấn đề và nhu cầu xuất phát từ quan hệ giữa văn hoá đa số và văn hoá thiểu số. Như vậy, không có thành phần nào của quá trình giáo dục, kể cả nội dung đến sản phẩm, không chịu ảnh hưởng của văn hoá. Hơn nữa, quá trình giáo dục, cho dù chính thức hay phi chính thức, cũng đều chịu ảnh hưởng

của vị thế kinh tế xã hội của người học, sức ép của bạn bè cùng trang lứa, bản chất mối quan hệ giữa nhóm đa số và nhóm thiểu số v.v...

Khoảng đầu thế kỷ XX, Edgar C. Hewet đã viết về nhân học và giáo dục, các yếu tố sắc tộc trong giáo dục. Có nhiều công trình về giáo dục và văn hoá khác được các học giả nổi tiếng như Margaret Mead, Jules Henry, Clyde Kluckhohn, Solon Kimball, Dorothy Lee và những người khác viết xuất hiện vào những năm 1940-1950. Nhưng những ý định nghiêm túc và thật sự có sử dụng công cụ và kết quả nghiên cứu của nhân học để giải quyết các vấn đề của giáo dục và dạy - học chỉ xuất hiện sau những năm 1960 (Pai & Adler, 2001:5).

### 1. Giáo dục, dạy học là công cụ truyền tải văn hoá

Văn hoá được xem như một kiểu loại kiến thức, kỹ năng, hành vi, thái độ và niềm tin, cũng như các tạo tác vật thể được tạo ra bởi xã hội con người và được chuyển tải từ thế hệ này sang thế hệ khác. Văn hoá thể hiện toàn bộ trí tuệ xã hội, công nghệ, chính trị, kinh tế, đạo đức, tôn giáo và thẩm mỹ. Văn hoá không chỉ là tập hợp các hành vi, hành động đơn lẻ mà được xem là một hệ thống chỉnh thể các chuẩn mực hay tiêu chuẩn mà theo đó các hành vi con người, niềm tin và tư duy được tổ chức. Clifford Geertz viết: "Văn hoá được xem không chỉ là tập hợp các kiểu hành vi cụ thể -

\* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Con người.

*tập tục, truyền thống, tập hợp các thói quen được tạo thành cho đến hiện nay mà là một hệ thống các cơ chế kiểm soát – kế hoạch, luật lệ, hướng dẫn để điều khiển hành vi*" (1973:44).

Các chuẩn mực và cơ chế của sự kiểm soát là sản phẩm được con người biểu tượng hoá và thổi ý nghĩa vào đó. Chính sự biểu tượng hoá hay quá trình mà theo đó con người đưa ý nghĩa vào vật thể hay hành động trong một nền văn hoá cụ thể có ý nghĩa rất quan trọng trong giáo dục. Quá trình biểu tượng hoá xuất hiện thông qua tư duy, cảm giác và hành động. Các kiểu loại của hành vi được thấy trong các xã hội khác nhau sẽ không có ý nghĩa nếu không đặt trong môi trường văn hoá cụ thể. Mỗi kiểu loại hành vi là sự phản ánh thể giới quan và định hướng giá trị thuộc vào một xã hội cụ thể. Các chuẩn mực xã hội có thể dễ thấy theo những quy tắc. Tuy nhiên, nhiều chuẩn mực và sự giám sát ngầm định cần phải có thời gian quan sát trong quá trình tư duy và hành động. Ví dụ, trong văn hoá Mỹ, niềm tin rằng làm việc chăm chỉ sẽ dẫn đến thành công được truyền đạt công khai. Đồng thời cũng có một quan điểm phổ biến cho rằng ai đó không thành công thì anh ta có thể là lười biếng hoặc là ngu dốt. Nhưng để phát hiện ra điều này phải quan sát cách thức con người ứng xử với những người không thành công về mặt xã hội - văn hoá.

Trong các xã hội nơi có các quan hệ thứ bậc nặng nề giữa các thành viên thì hình thức và các quy tắc ngôn ngữ của hành vi được coi là quan trọng. Việc tiếp thu các chuẩn mực văn hoá công khai qua các quy tắc, nhưng việc tiếp thu các chuẩn mực còn có thể thông qua cách thức con người quan hệ với nhau và cách thức con người dạy bảo nhau.

Theo truyền thống, nhà trường đóng vai trò truyền bá các giá trị cốt lõi của xã hội cho thế hệ trẻ. Quá trình này liên quan chặt chẽ với các quy định ngôn ngữ, chuẩn mực hành vi và hệ thống giá trị của tầng lớp, giai cấp thống trị trong xã hội. Có mối liên hệ chặt chẽ giữa hệ giá trị được truyền đạt với giai tầng xã hội và cách thức nhà trường hoạt động và dạy học. Các giai tầng xã hội trong cộng đồng tạo dựng hình hài cho trường học và ảnh hưởng đến kỳ vọng đối với trường học. Các giá trị được truyền tải đến học sinh bởi văn hoá của gia đình và cộng đồng và được trường học áp đặt và thay đổi. Tất nhiên, đội ngũ giáo chức có thể vẫn giữ những đặc trưng văn hoá của các nhóm xuất thân và vẫn chấp nhận sự truyền bá giá trị của giai tầng xã hội chính thống.

## *2. Giáo dục và dạy học trong trường học như là một quá trình văn hoá*

Mỗi một nền văn hoá cố gắng truyền lại cho thế hệ sau thông qua quá trình truyền bá có chủ ý những kiến thức, niềm tin, kỹ năng, hành vi và thái độ có giá trị nhất. Sự truyền đạt văn hoá có chủ ý đó được gọi là giáo dục. Trong các xã hội kém phát triển, quá trình giáo dục được tiến hành ít nhiều phi chính thức. Thế hệ trẻ học các kỹ năng, niềm tin và thái độ từ người lớn tuổi hơn cũng như từ bạn đồng lứa mà không có một nơi riêng dành cho sự truyền đạt này. Trong xã hội phát triển, sự truyền bá văn hoá diễn ra trong một môi trường đặc biệt. Người học có thể học một khối lượng những kiến thức và kỹ năng nhất định trong một khoảng thời gian xác định từ những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn đó.

Giáo dục là một quá trình mà một người tiếp thu văn hoá của chính dân tộc mình. Khi quá trình này diễn ra

trong một môi trường chính thức thì được gọi là trường học. Như vậy, quá trình tiếp thu văn hoá sẽ rộng hơn rất nhiều quá trình giáo dục. Bởi vì, quá trình này bao gồm cả việc học tập có chủ ý và không chủ ý, như dạy và học thông qua bất chước, trong khi đó giáo dục chỉ gồm các hoạt động dạy và học có chủ ý. Học tập trong trường lại có nghĩa hẹp hơn giáo dục bởi vì nó chỉ diễn ra trong nhà trường, có sự hướng dẫn của các nhà chuyên môn. Giáo dục, mặc dù có chủ ý nhưng cũng phải diễn ra trong một cơ sở chính thống.

Mặc dù có sự khác biệt giữa ba khái niệm tiếp thu văn hoá, giáo dục và học tập trong trường, chúng phải được xem xét như một quá trình riêng biệt, khi mà từng người học và thực hành chính văn hoá của dân tộc mình. Tiếp thu văn hoá và giáo dục, theo nghĩa không chính thống, có mặt trong mọi nền văn hoá. Giáo dục chỉ là một công cụ chuyển tải văn hoá. Tương tự như vậy, học tập trong trường là một trong nhiều con đường mà theo đó một cá nhân trở nên có giáo dục. Tất cả những điều đó cho phép nói rằng mặc dù không có xã hội nào thiếu sự tiếp thu văn hoá và giáo dục, nhưng một số xã hội không có học tập tại trường.

### *3. Giáo dục là một quá trình tiếp thu văn hoá của chính dân tộc mình và tiếp thu văn hoá của dân tộc khác*

Bất cứ trẻ em của một dân tộc, một nhóm sắc tộc nào cũng tiếp thu văn hoá của chính dân tộc mình (enculturation), nhưng trẻ em các dân tộc thiểu số còn phải tiếp thu văn hoá các dân tộc đa số (acculturation). Trong xã hội đa cực về văn hoá, điều quan trọng đối với nhà quản lý, giáo viên và các nhà tư vấn là phải thừa nhận các kiểu hành vi, thái độ và niềm tin của trẻ em nhóm thiểu số

xuất phát từ văn hoá của họ mà không xem đó như những khiếm khuyết về mặt xã hội hay nhận thức. Ví dụ, giáo viên nhìn chung chỉ muốn học sinh trả lời sau khi đã được phép và những học sinh nói ngay ra suy nghĩ của mình mà chưa được phép thường được xem là nói leo. Thế nhưng trong những nền văn hoá nơi mà sự phản ứng tức thì được khuyến khích, thì không đòi hỏi sự cho phép mới có ý kiến. Vấn đề cần thiết là phải dạy cho học sinh sự khác biệt văn hoá, nhận biết sự khác biệt đó và ứng xử phù hợp trong một nền văn hoá nhất định. Cách tiếp cận tốt nhất đối với cả giáo viên và học sinh từ những nền văn hoá khác nhau đối xử với nhau như những người từ những nền văn hoá khác nhau và do vậy họ phải tìm hiểu văn hoá của nhau.

Trong các quốc gia đa sắc tộc, giáo dục phải được tổ chức phù hợp với sự đa dạng văn hoá. Trong khi đó, các nền giáo dục đơn văn hoá cũng khuyến khích tìm hiểu văn hoá dân tộc khác để chung sống trong một thế giới đa cực, đa dân tộc và đa bản sắc văn hoá. Trong bối cảnh đa văn hoá, giáo dục tinh thần khoan dung không những cho phép tồn tại nhiều hệ giá trị, lối sống, mà còn khuyến khích mọi người trải nghiệm sự đa dạng văn hoá và cả những kinh nghiệm sắc tộc khác nhau. Tinh thần khoan dung phải dựa trên niềm tin về sự bình đẳng cơ hội cho tất cả mọi người, tôn trọng phẩm giá cá nhân và niềm tin rằng không có hình thái hành vi nào là thống trị tuyệt đối. Sự đa dạng văn hoá có mối liên hệ rất trực tiếp với dân chủ. Chính sự tồn tại của nhiều ý kiến, các đặc trưng văn hoá, trí tuệ và xã hội là dấu hiệu tồn tại của nền dân chủ.

### *4. Văn hoá quy định cách thức học tập*

Quá trình học tập do chính bối cảnh văn hoá quy định. Việc học tập một cách

máy móc, tiếp thu thiếu phê phán, thụ động thường thấy ở các xã hội phong kiến phương Đông. Việc học tập có hướng dẫn, chia một mục tiêu học tập ra thành tập hợp các kỹ năng hay tập hợp thông tin, bằng cách thực hiện thành thạo từng thành tố theo trật tự, người học có thể đạt được mục tiêu. Cách dạy học này được tiến hành theo học thuyết hành vi, hay còn gọi là dạy học chương trình hoá. Học tập còn được xem như một quá trình khám phá. Theo Bruer (1966) đây là cách học tập được tổ chức để người học có thể giải quyết vấn đề; trọng tâm của việc học tập này là phát hiện hơn là nắm chắc kiến thức và kỹ năng. Học tập còn được xem như quá trình xử lý thông tin dựa trên quan niệm rằng quá trình giải quyết vấn đề có định hướng mục tiêu giúp người học đương đầu với các mô hình đơn giản của vấn đề có thực. Việc học tập theo con đường này được tổ chức theo cách thức làm việc của máy tính. Dữ liệu được người học giải thích và tổ chức bằng cách sử dụng các kỹ năng như mã hoá và so sánh với thông tin khác, có thể sử dụng ngay và có thể lưu giữ để dùng sau này.

Sử dụng cách học nào trong những cách nêu trên phải xuất phát từ bối cảnh văn hoá. Bất cứ ý định tìm hiểu quá trình học tập đều phải đương đầu với mối quan hệ giữa người học, người dạy, bối cảnh và mục đích học tập. Vấn đề này không tránh khỏi việc trả lời câu hỏi về vai trò của các mối quan hệ xã hội giữa nhiều cá nhân trong môi trường học tập.

Theo các nhà nghiên cứu, có 4 loại yếu tố tác động đến quá trình học tập: (1) quan sát và mô hình hoá; (2) kinh nghiệm xã hội; (3) xung đột xã hội; (4) trò chơi. Khi quan sát và mô hình hoá,

người học theo dõi người khác và cố gắng bắt chước. Người học còn tham gia vào các quan hệ xã hội khi học tập. Các quan hệ xã hội có thể tạo ra bầu không khí tốt cũng có thể tạo ra xung đột, cạnh tranh hoặc đấu tranh quyền lực. Đối với trẻ nhỏ, trò chơi là để khám phá, giải quyết vấn đề, hợp tác với người khác, đương đầu với xung đột, cạnh tranh và duy trì các mối quan hệ xã hội chứ không phải đơn thuần là làm thử.

#### 5. Vai trò cấu trúc - chức năng của nhà trường

Trường học là một thực thể xã hội được xây dựng để truyền tải văn hoá, hướng vào mục tiêu truyền đạt văn hoá dân tộc, đồng thời đáp ứng nhu cầu của cộng đồng. Nhà trường có trách nhiệm xã hội hoá những thành viên trẻ tuổi của xã hội, nuôi dưỡng trí tuệ, phát triển đạo đức và sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu của các nhóm xã hội cũng như xã hội nói chung.

Trẻ em còn được dạy dỗ để thực hiện các bổn phận và chức năng xã hội được phân công như những nhà chuyên môn, đồng thời là người công dân thực hiện các vai trò xã hội. Trẻ em trong quá trình xã hội hoá ở trường học được học các chuẩn mực hành vi về tính độc lập, sự thành công, chúng còn được học cách tương tác xã hội để tham gia vào các nhóm xã hội khác nhau.

Theo quan điểm Mác-xít, trường học trong chủ nghĩa tư bản phục vụ lợi ích giai cấp thống trị. Giai cấp tư bản là chủ phương tiện sản xuất, bóc lột giai cấp công nhân và kiểm soát xã hội thông qua quá trình phân bổ vai trò, vị thế xã hội và lợi ích. Do vậy, trường học trong chủ nghĩa tư bản đóng vai trò duy trì sự thống trị này. Con em gia đình tư sản được giáo dục để cai trị, trẻ em giai cấp công nhân được dạy để duy trì vị trí lao

động của mình. Sự giáo dục bất công bằng này đến lượt mình giúp duy trì xã hội bất công bằng.

#### 6. Văn hoá và sự phát triển của người học

Quá trình phát triển thông qua giáo dục là quá trình vận động của người học để trở thành thành viên đầy đủ của xã hội trên nhiều mặt. Sự phát triển này bao gồm sự phát triển năng lực nhận thức, tiếp thu kiến thức và kỹ năng xã hội, nuôi dưỡng những thái độ nhất định và hình thành những giá trị và thái độ đạo đức. Điều chính yếu ở đây là khả năng đưa ra sự phán xét về các vấn đề đạo đức, xã hội và trí tuệ và duy trì các mối quan hệ liên nhân cách lành mạnh.

Có nhiều lý thuyết về sự phát triển trí tuệ và đạo đức. Piaget, chẳng hạn, cho rằng sự phát triển trí tuệ liên quan đến sự tham gia tích cực của người học vào mối quan hệ với khách thể hoặc các mối quan hệ xã hội. Kiến thức, thay vì được truyền đạt, được xây dựng và tạo dựng lại bởi chính người học. Học tập và phát triển là quá trình liên tục biến các sự kiện bên ngoài thành cái của cá nhân. Hoạt động, do vậy, không thể thiếu được đối với việc học tập. Sự phát triển trí tuệ được diễn ra thông qua quá trình tổ chức và thích nghi với môi trường bên ngoài. Sự phát triển nhận thức được chia thành 4 giai đoạn bất biến: (1) Giai đoạn cảm giác-vận động: trẻ học vận động và tri giác; (2) Giai đoạn tiền thao tác: trẻ hình thành khả năng dùng khái niệm, sử dụng ngôn ngữ; (3) Giai đoạn thao tác cụ thể: trẻ học áp dụng tư duy logic vào vấn đề cụ thể; (4) Giai đoạn thao tác chính thức: trẻ học áp dụng logic hình thức vào vấn đề cụ thể. Tuy nhiên, ở đây Piaget đã bỏ qua vai trò của văn hoá trong phát triển

khái niệm. Kohlberg thì nghiên cứu con người đương đầu với các vấn đề đạo đức trong xung đột đạo đức. Giống như Piaget, ông cho rằng sự phát triển đạo đức cũng xuất hiện theo các bước với trật tự không thay đổi. Và đặc biệt ông nhấn mạnh trình độ phát triển có thể khác nhau giữa các cá nhân, nhưng các giai đoạn thì giống nhau và không chịu ảnh hưởng của các điều kiện xã hội và văn hoá (Pai & Adler, 2001:162-164). Như vậy, cả Piaget và Kohlberg đều bỏ qua vai trò của văn hoá trong hình thành thao tác trí tuệ cũng như đạo đức. Quan niệm như vậy là sai lệch.

Vygotski, nhà tâm lý học nổi tiếng người Nga, khác với hai học giả trên xem xét sự phát triển nhận thức của trẻ trên cơ sở lý thuyết xã hội-văn hoá. Sự tập trung tâm của Vygotski là ở tổ hợp xã hội, văn hoá và lịch sử mà đứa trẻ là một bộ phận. Cũng giống Piaget, Vygotski nhấn mạnh sự hoạt động tích cực của trẻ với môi trường. Nhưng khác với Piaget, Vygotski cho rằng sự phát triển nhận thức như là kết quả của một quá trình hợp tác. Trẻ em, theo Vygotski, học thông qua tương tác xã hội. Những hoạt động chia sẻ giúp nội tâm hoá cách thức tư duy và ứng xử, biến nó thành cái của chính mình. Người lớn có thể giúp trẻ vượt qua khoảng cách của *vùng phát triển gần* giữa giới hạn mà đứa trẻ đã có khả năng vượt qua và giới hạn mà đứa trẻ chưa sẵn sàng tự làm được (Papalia và những người khác, 2001:44). Gần đây, các nhà nghiên cứu đã nhận ra sự đòi hỏi của các mối quan hệ xã hội độc đáo của cá nhân và môi trường văn hoá đóng vai trò chủ đạo, ảnh hưởng tới cách thức và định hướng phát triển của cá nhân (Pai & Adler, 2001:166).

Nhân học tâm lý giải quyết các vấn đề hành vi con người về mặt hình thức

quan hệ qua lại giữa các cá nhân và xã hội. Lĩnh vực mà nhân học tâm lý giải quyết trước hết là sự phát triển nhân cách trong một nền văn hoá, trong quá trình đó con người học cách thể hiện thái độ, tiếp thu giá trị và các hình thái hành vi. Do vậy, khi đặt ra vấn đề này trong quá trình học tập, vấn đề về tri giác và nhận thức các chuẩn mực, giá trị văn hoá trở thành vấn đề trung tâm.

Cấu trúc xã hội tồn tại trong nhà trường và ngoài xã hội đã đặt ra yêu cầu cho trẻ học đóng các vai trò xã hội. Tuy nhiên, những trẻ khác nhau có vị thế xã hội khác nhau tùy thuộc vào vị thế của gia đình và khả năng của chúng. Trẻ xuất thân từ gia đình khá giả sẽ ứng xử với thầy giáo giống như ứng xử với bố mẹ ở nhà. Ngược lại, trẻ các gia đình nghèo có thể ứng xử khác hơn. Trẻ không có khả năng hoàn thành các chuẩn mực của nhà trường nhận được sự đánh giá thấp và trên cơ sở sự đánh giá bên ngoài đó, trẻ có thể dần dần sẽ tự đánh giá thấp bản thân. Do vậy, nhà trường phải tạo môi trường văn hoá bình đẳng để trẻ em mọi giai tầng có thể được ứng xử bình đẳng.

Các kiểu giao tiếp và các kiểu học tập cũng chịu ảnh hưởng nhất định của văn hoá. Trong một số nền văn hoá, việc học tập chủ yếu dựa vào truyền miệng, nhiều nơi khác có thể sử dụng nhiều đồ dùng trực quan hơn. Ở một số nền văn hoá, cá nhân học với người khác trong môi trường hợp tác, có nhiều người lại lựa chọn cách học tập độc lập trong môi trường cạnh tranh. Kiểu học tập được lựa chọn sẽ hiệu quả khi nó phù hợp với chiến lược dạy học và với môi trường bên ngoài.

#### **Kết luận**

Có thể nói hầu như mọi khía cạnh của giáo dục và dạy học đều chịu ảnh

hưởng của văn hoá. Dạy cái gì, dạy như thế nào và thiết lập quan hệ giữa trẻ với nhau như thế nào, mục tiêu dạy học là gì đều xuất phát trực tiếp hay gián tiếp từ chuẩn mực văn hoá. Trường học trong thế kỷ 21 đang chịu ảnh hưởng của cách mạng thông tin. Trong bối cảnh đó, thông tin đại chúng và văn hoá tác động tới thế hệ trẻ ngày càng mạnh hơn trong quá trình xã hội hoá. Có nhiều cách sử dụng văn hoá để giúp trẻ em học và phát triển những kỹ năng cần thiết, để đương đầu một cách hiệu quả với hàng loạt vấn đề và nhu cầu trí tuệ, xã hội, nghề nghiệp và thậm chí cả xúc cảm. Tuy vậy, một sự đơn giản hoá vận dụng văn hoá hay khái quát hoá những đặc trưng văn hoá thường dẫn tới những phán xét sai lầm về một người từ một nền văn hoá khác. Giáo dục và dạy học là một quá trình văn hoá. Chúng ta cần tiến hành nghiên cứu về những con đường hiệu quả cho dạy và học. Nhân học giáo dục, một lĩnh vực ứng dụng của nhân học văn hoá, tiến hành nghiên cứu cơ sở văn hoá của giáo dục và dạy học để tìm kiếm những con đường như vậy. Bên cạnh tâm lý học và xã hội học, nhân học giáo dục sẽ góp phần làm cho quá trình dạy học và quá trình giáo dục trở nên hiệu quả hơn.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Bruner, J. (1966) *Toward a Theory of Instruction*. Cambridge: Harvard University Press.
  2. Geertz, C. (1973) *The Interpretation of Cultures*. New York: Basic Books.
  3. Pai, Y. & Adler S. (2001) *Cultural Foundation of Education*. Prentice Hall, Upper Saddle River.
- Papalia D.E., Olds S.W., Feldman R.D. (2001) *Human Development*, McGraw Hill: Boston.